|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH ĐỒNG NAI | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /TTr-SLĐTBXH**DỰ THẢO** | *Đồng Nai, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Quyết định** **Quy định phương thức và mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Quyết định Quy định phương thức và mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

- Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số điều Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

- Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khooản 1 và khooản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

- Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt;

- Kế hoạch 30/KH-UBND ngày 23/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 34 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định về phương thức chi trả như sau:

*“2. Việc lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.*

*3. Việc chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả được lập thành hợp đồng giữa cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tùy theo phân cấp của từng địa phương) và tổ chức dịch vụ chi trả, trong đó phải ghi rõ phạm vi, đối tượng chi trả, phương thức chi trả (gồm phương thức chi trả qua tài khoản ngân hàng, tài khoản thanh toán điện tử do pháp luật quy định hoặc chi trả trực tiếp bằng tiền mặt)…”*

- Tại Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh như sau: *“3. Quyết định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội phù hợp tình hình thực tế của địa phương.”*

- Tại khoản 7, Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: *“Chi phí chi trả thông qua tổ chức địch vụ chi trả: mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trọ xã hội do UBND cấp tỉnh quyết định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương.”*

Do vậy, cần thiết phải ban hành Quyết định quy định phương thức và mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để làm cơ sở tổ chức thực hiện việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội là cần thiết.

Để đảm bảo trong công tác tham mưu, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Văn bản số 2592/SLĐTBXH-BTXH ngày 12/4/2024 của Sở Lao động về việc đề nghị có ý kiến về thẩm quyền ban hành Văn bản Quy phạm pháp luật gửi Sở Tư pháp; Ngày 23/4/2024 Sở Tư pháp có Văn bản số 1418/STP-XDPBPL về việc có ý kiến về thẩm quyền ban hành Văn bản Quy phạm pháp luật, trong đó thống nhất trình UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy phạm pháp luật để triển khai thực hiện nội dung này. (Đính kèm 02 văn bản)

**2. Cơ sở thực tiễn**

**a) Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thực hiện Văn bản số 2627/UBND-VX ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Chấp thuận tổ chức thực hiện việc chi trả trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội qua hệ thống Bưu điện trên địa bàn tỉnh; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Bưu điện tỉnh ký Hợp đồng dịch vụ số 654/LĐ-TBXH/BĐNT ngày 14/4/2014 về việc chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng qua hệ thống Bưu điện địa bàn các huyện, thành phố. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Công văn số 960/SLĐTBXH-BTXH ngày 09/5/2016 về việc thực hiện chi trả trợ cấp xã hội qua hệ thống Bưu điện.

 UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bưu điện cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố đã ký hợp đồng dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội hàng tháng với Bưu điện cùng cấp; theo đó, việc tổ chức chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện từ tháng 6/2014 với mức phí dịch vụ chi trả là **7.448** đồng/đối tượng/tháng 02 bên thống nhất thời gian, địa điểm chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội tại các xã, phường, thị trấn đảm bảo thuận lợi cho đối tượng trong quá trình chi trả.

Tại 170 xã, phường, thị trấn, Bưu điện tỉnh chỉ đạo Bưu điện huyện, thành phố bố trí mạng lưới chi trả tại 185 điểm, trong đó có 131 điểm Bưu cục, Bưu điện - Văn hóa xã, 54 điểm là hội trường UBND phường, xã, văn phòng khu phố; bố trí 130 nhân viên cho 1 kỳ chi trả (2 người/điểm chi trả) tham gia công tác chi trả ở các huyện, thành phố.

Từ tháng 6/2014 đến tháng 12/2023 hệ thống dịch vụ Bưu điện đã thực hiện chi trả trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho **7.463.620** lượt người, kinh phí chi trả thường xuyên cho đối tượng BTXH là **3.742.829** triệu đồng với kinh phí chi trả cho dịch vụ chi trả Bưu điện là **62.704** triệu đồng, với mức phí dịch vụ chi trả là **7.448** đồng/đối tượng/tháng; bình quân mỗi năm chi trả **6.270** triệu đồng. Tính theo tỷ lệ % phí dịch vụ chi trả so với tổng tiền chi trả bằng tiền mặt là từ 1.23% đến 2.23%. *(Đính kèm biểu so sánh chi tiết kèm theo.)*

Đến cuối năm 2023 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND các huyện, thành phố quản lý **86.000** (tháng 4/2024 là 87.068 đối tượng)đối tượng bảo trợ xã hội và thân nhân của người khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng trợ cấp hàng thángtrung bình năm 2023 có 1.028.172 lượt người được nhận trợ cấp hàng tháng, tổng kinh phí chi trả là 610.336 triệu đồng, trong đó mức phí chi trả qua Bưu điện là 7.526 triệu đồng (1,23%).

Tại 170 xã, phường, thị trấn, Bưu điện tỉnh chỉ đạo Bưu điện huyện, thành phố bố trí mạng lưới chi trả tại 185 điểm, trong đó có 131 điểm Bưu cục, Bưu điện - Văn hóa xã, 54 điểm là hội trường UBND cấp xã, văn phòng khu phố; bố trí 130 nhân viên cho 1 kỳ chi trả (2 người/điểm chi trả) tham gia công tác chi trả ở các huyện, thành phố.

Như vậy, trong thời gian qua việc chi trả cho các đối tượng thông qua dịch vụ Bưu điện thực hiện, với mức phí dịch vụ chi trả là 7.448 đồng/đối tượng/tháng, mức phí này được thực hiện theo Văn bản số 2627/UBND-VX ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh (thời điểm tỉnh Đồng Nai thực hiện thí điểm chuyển phương thức chi trả từ cán bộ xã sang Bưu điện thực hiện). Mức chi phí chi trả chưa được quy định đúng theo thẩm quyền và hình thức ban hành.

Mặt khác, theo Đề án của Chính phủ, phải chuyển hình thức chi trả bằng tiền mặt sang chi trả hình thức không dùng tiền mặt. Do đó, cần thiết phải ban hành Quyết định quy định phương thức và mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để làm cơ sở tổ chức thực hiện việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội theo đúng quy định của pháp luật..

**b) Tham khảo việc thực hiện tại các tỉnh, thành phố:**

Hiện nay, một số tỉnh đã ban hành Quyết định trong đó quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả bằng hình thức điện tử hoặc tiền mặt đối với một số trường hợp đặc biệt. Cụ thể như sau:

- Tỉnh Ninh Thuận: Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận trong đó: Mức chi phí chi trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả dao động từ 1,0% - 1,5 tổng số tiền chi trả trợ cấp thành công từ thành phố đến các huyện vùng sâu, xa.

- Tỉnh Thừa Thiên Huế: Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định tổ chức chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó quy định: Mức chi phí cho đơn vị cung ứng dịch vụ chi trả theo tỷ lệ như sau:

+ Đối với đơn vị cung ứng dịch vụ: Mức 0,45% trên tổng kinh phí chi trả;

+ Đối với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Mức 0,1% trên tổng kinh phí chi trả;

+ Đối với UBND cấp xã: Mức 0,25% trên tổng kinh phí chi trả.

- Tỉnh Tuyên Quang: Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 10/7/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội; mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, trong đó quy định:

+ Đối với chi trả chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng: Được thanh toán hằng tháng cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả bằng 0,8% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội nhưng mức tối thiểu 700.000 đồng/xã, phường, thị trấn, tối đa không quá 2.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn.

+ Đối với chi trả các chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp bằng tiền và trợ giúp xã hội một lần: Được thanh toán một lần cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả bằng 0,8% trên tổng số tiền hỗ trợ cho đối tượng.

- Tỉnh Hải Dương: Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Hải Dương mức chi phí chi trả kinh phí trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua các tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Hải Dương và Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh Hải Dương: Bằng 0,5% tổng số tiền chi trả kinh phí trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Tỉnh Cao Bằng: Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Quy định mức chi phí chi trả thù lao tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, trong đó quy định: Tối đa không quá 2% trên tổng số kinh phí chi trả cho các đối tượng thụ hưởng.

- Tỉnh Phú Thọ: Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định tổ chức dịch vụ chi trả; phương thức chi trả; mức chi phí cho tổ chức dịch vụ chi trả và mức chi cho công tác quản lý các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, trong đó quy định:

+ Tỷ lệ 1,15% kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng của các huyện, thành phố;

+ Mức chi cho công tác quản lý các đối tượng bảo trợ xã hội: Đối với cấp tỉnh 0,1%, cấp huyện 0,5%, cấp xã 1%/tổng kinh phí chi trả trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội mà cấp đó quản lý.

- Tỉnh Vĩnh Long: Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long quy định mức phí dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội qua hệ thống bưu điện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, trong đó quy định: Mức phí dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội qua hệ thống Bưu diện là 0,7% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Tỉnh Đắk Lắk: Mức 1% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng BTXH bằng phương thức điện tử và 1,7% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng BTXH bằng tiền mặt tại địa bàn các phường/thị trấn và 1,9% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng BTXH bằng tiền mặt tại địa bàn các xã (Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND tỉnh ĐắkLắk).

**c) Tham khảo mức phí chi trả cho đối tượng thuộc bảo hiểm xã hội tỉnh quản lý và một số đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả**

- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (Viettel Đồng Nai) có công văn số 212/DNI-KHDN ngày 21/8/2023 về việc phúc đáp công văn 4251/SLĐTBXH-BTXH trong đó có giới thiệu hiện nay Viettel Đồng Nai có 2.561 điểm rút tiền trên 170 phường, xã bao gồm cửa hàng giao dịch, liên kết, nhân viên trực tiếp, cây ATM…, trong đó miễn phí mở tài khoản, miễn phí rút tiền mặt trợ cấp từ các cửa hàng Viettel liên kết, rút từ cây ATM mất từ 1.100đ/lần cùng ngân hàng MB Bank, khác ngân hàng 3.300đ/lần rút. Phí chuyển khoản phí chi trả cho đối tượng là 0,4% dòng tiền/giao dịch, tối thiểu 4.000đ/giao dịch. Trong đó, hỗ trợ chi trả tại nhà miễn phí cho các đối tượng đặc biệt như người khuyết tật không đi lại được, người cao tuổi cô đơn không có thân nhân*… (đính kèm công văn)*

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Đông Đồng Nai có Công văn số 406b/CV-VCB-ĐĐN ngày 04/8/2023 phúc đáp công văn 4192/SLĐTBXH-BTXH ngày 03/8/2023 của Sở LĐTBXH trong đó Vietcombank Đông Đồng Nai cam kết miễn phí chuyển tiền theo bảng kê cho người thụ hưởng mở tài khoản tại Vietcombank, miễn phí mở tài khoản, miễn phí quản lý tài khoản, phí phát hành thẻ (ATM) và phí rút tiền mặt từ thẻ ATM cho đối tượng tới ngày 31/12/2024 *(đính kèm công văn).*

- **Như vậy**, mức phí chi trả **7.448** đồng/đối tượng/tháng qua dịch vụ Bưu điện được áp dụng từ năm 2014 đến nay với hình thức chi trả trực tiếp bằng tiền mặt cho đối tượng hiện nay không còn phù hợp với thực tiễn. Ngày 25/11/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 21/CT-TTg về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt; để tiến tới việc chi trả không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024 và các năm tiếp theo UBND tỉnh đã ban hành 03 văn bản[[1]](#footnote-1) chỉ đạo về việc chi trả trợ cấp cho đối tượng qua tài khoản đảm bảo an toàn, nhanh chóng và thuận tiện cho đối tượng không phải chờ, đợi, xếp hàng khi đi nhận trợ cấp hàng tháng, hoặc dịp lễ, tết, đa dạng hóa loại hình chi trả. Việc đề xuất mức chi phí chi trả mới theo hai hình thức chi tiền mặt và chi không dùng tiền mặt là phù hợp với tình hình thực tế, rõ ràng và minh bạch hơn.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH**

**2.1. Mục đích**

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong chi trả chế độ cho đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội theo nhiều phương thức hiện đại, tiện lợi, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán hiện đại của nền kinh tế.

- Góp phần triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào chi trả chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đổi mới về tổ chức và đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực an sinh xã hội.

- Từng bước cải cách thủ tục hành chính trong chi trả chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, chính sách trợ giúp xã hội đối với người dân, bảo đảm chi trả kịp thời, nhanh chóng, công khai, minh bạch và tiết kiệm chi phí hành chính.

**2.2. Quan điểm xây dựng Quyết định**

- Việc xây dựng quyết định phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản Luật, Nghị định.

- Quy định mức phí phù hợp với tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh hiện nay.

- Đảm bảo việc áp dục quy định được thực hiện ổn định, thường xuyên, liên tục, những đối tượng có liên quan được đảm bảo quyền, lợi ích đầy đủ, cùng với đó nâng cao tinh thần, sức khoẻ, có điều kiện tiếp cận, sử dụng các dịch vụ xã hội đáp ứng với sự phát triển của xã hội trong thời kỳ đổi mới.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH**

1. Ngày 03/5/2023 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Văn bản số 4192/SLĐTBXH-BTXH đề nghị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Đông Đồng Nai cung cấp thông tin dịch vụ chi trả không dùng tiền mặt đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh ĐồngNai; và Văn bản số 4251/SLĐTBXH-BTXH ngày 07/8/2023 đề nghị Viettel Đồng Nai cung cấp thông tin dịch vụ chi trả không dùng tiền mặt đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 1910/UBND-KGVX ngày 27/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc khẩn trương triển khai đẩy mạnh thực hiện chi trả không dùng tiền mặt đối với đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2024. Ngày 04/5/2024, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Tờ trình số 87/TTr-LĐTBXH đề nghị xây dựng Quyết định quy định phương thức và mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trình UBND tỉnh xem xét; ngày 17/5/2024, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 5579/UBND-KGVX của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương đề nghị xây dựng Quyết định quy định phương thức và mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Ngày /6/2024, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có báo cáo Số /BC-SLĐTBXH về việc đánh giá kết quả thực hiện chi trả tiền trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng từ tháng 6/2014 đến năm 2023 thông qua hệ thống dịch vụ Bưu điện và đề xuất phương án thực hiện tính phí dịch vụ chi trả theo Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng dự thảo Tờ trình của Sở về việc đề nghị UBND tỉnh ban hành **Quyết định quy định phương thức và mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai** và **dự thảo Quyết định của UBND tỉnh**; trong đó đề xuất mức phí tối đa không quá 0,7% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng BTXH bằng phương thức điện tử và tối đa không quá 1,0% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng BTXH bằng tiền mặt tại địa bàn các xã, phường, thị trấn. Qua ý kiến góp ý, các địa phương cơ bản thống nhất theo dự thảo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện triển khai công tác chi trả trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng cho đối tượng bảo trợ xã hội và góp ý ……………; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, hoàn chỉnh *(có bảng tổng hợp và văn bản góp ý kèm theo).*

Như vậy, quá trình tổ chức triển khai xây dựng **Quyết định quy định phương thức và mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**, là đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

**1. Bố cục của dự thảo Quyết định**

Dự thảo Quyết định gồm 02 phần, cụ thể như sau:

**a) Quyết định**

Điều 1.Ban hành kèm Quyết định này là Quy định phương thức và mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**b) Quy định**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Phương thức chi trả, mức chi phí chi trả và kinh phí thực hiện chi trả trợ giúp xã hội

Điều 3. Ký kết hợp đồng chi trả

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Điều 5. Hiệu lực thi hành

**2. Những nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định**

a) Tên gọi của dự thảo Quyết định: Quy định phương thức và mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Nội dung cơ bản của dự thảo Quy định:

**Điều 1**. **Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định phương thức và mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; hộ gia đình, cá nhân chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và các đối tượng mở rộng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác được HĐND tỉnh, UBND tỉnh hỗ trợ dịp lễ, tết hoặc hỗ trợ khẩn cấp (gọi chung là đối tượng bảo trợ xã hội).

b) Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; đơn vị cung ứng dịch vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội.

**Điều 2. Phương thức, mức chi phí chi trả và kinh phí thực hiện chi phí chi trả trợ giúp xã hội**

1. Phương thức chi trả: Chi trả qua tài khoản ngân hàng, tài khoản thanh toán điện tử (sau đây gọi là phương thức điện tử) hoặc chi trả trực tiếp bằng tiền mặt cho đối tượng thông qua tổ chức dịch vụ chi trả, cụ thể:

a) Đối với phương thức điện tử: Chi trả vào tài khoản của đối tượng, tài khoản của người giám hộ hoặc tài khoản của người được ủy quyền.

b) Đối với phương thức chi trả trực tiếp bằng tiền mặt: Chi trả trực tiếp bằng tiền mặt cho các đối tượng tại điểm trả hoặc chi trả theo địa chỉ tại nhà đối tượng (chỉ áp dụng đối với đối tượng đặc thù như người khuyết tật đặc biệt nặng, người cao tuổi không thể đi lại để nhận tiền tại các điểm chi trả, không có người giám hộ, người uỷ quyền).

2. Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại xã, phường, thị trấn của các huyện, thành phố, cụ thể như sau:

a) Mức chi phí chi trả đối với phương thức chi trả điện tử (không dùng tiền mặt): Mức tối đa không quá 0,7% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng/tháng trong 01 lần chi trả.

b) Mức chi phí chi trả đối với phương thức chi trả trực tiếp bằng tiền mặt: Mức tối đa không quá 1,0% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng tượng/tháng trong 01 lần chi trả.

3. Kinh phí thực hiện chi phí chi trả trợ giúp xã hội:

Kinh phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 1 Quy định này do ngân sách cấp huyện đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp đảm bảo xã hội hàng năm của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 3. Ký kết hợp đồng chi trả**

a) Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định về phương thức chi trả này, UBND cấp huyện chỉ đạo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Nội dung hợp đồng phải nêu rõ: Trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên; quy trình chuyển tiền và thanh quyết toán; quy trình, số điểm rút tiền mặt; thời gian chuyển tiền và mức phí thu trên mỗi đối tượng; phương thức và tiêu chí giám sát; xử lý trường hợp hưởng sai và các thỏa thuận khác có liên quan. Việc ký kết, thực hiện hợp đồng và xử lý tranh chấp hợp đồng về chi trả trợ giúp xã hội được thực hiện theo quy định của pháp luật, đánh giá định kỳ chất lượng cung cấp dịch vụ.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

b) Theo dõi, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chi trả trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn đảm bảo đúng quy định. Xử lý theo thẩm quyền, hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các sai phạm trong quá trình thực hiện chi trả (nếu có).

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các tầng lớp nhân dân, đối tượng được chi trả về chủ trương, chính sách, cách thức thanh toán không dùng tiền mặt.

d) Định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tình hình chi trả chính sách trợ giúp xã hội theo quy định.

2. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho đối tượng hàng tháng, kinh phí hỗ trợ cho gia đình, cá nhân chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quy định này; chế độ chi phí mai táng, hỗ trợ lễ, tết, hỗ trợ khẩn cấp (nếu có).

3. Kho bạc Nhà nước tỉnh

Phối hợp với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan tại địa phương thực hiện quy trình chi trả chính sách trợ giúp xã hội; thực hiện chi trả trực tiếp vào tài khoản của đối tượng đã có tài khoản (bao gồm tài khoản ngân hàng, ví điện tử, tài khoản mobile money và các hình thức hợp pháp khác) thông qua Kho bạc Nhà nước tỉnh, Kho bạc nhà nước cấp huyện và tài khoản thanh toán của các đơn vị tại các ngân hàng thương mại.

4. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai

a) Chỉ đạo các chi nhánh ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trên địa bàn thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi về phí dịch vụ thanh toán cho các đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội khi mở, sử dụng tài khoản ngân hàng, ví điện tử để nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Đồng thời, chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người hưởng chính sách trợ giúp xã hội nhận tiền qua tài khoản.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan trong hướng dẫn triển khai chi trả qua tài khoản cho đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh

a) Tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho đối tượng đảm bảo đúng quy định; bố trí kinh phí để thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, kinh phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả; hàng năm dự toán kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội và thanh quyết toán kinh phí theo đúng luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Chỉ đạo, lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả, ký hợp đồng thực hiện dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn với tổ chức dịch vụ chi trả đảm bảo theo quy định tại Điều 34 Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; đồng thời chỉ đạo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp với đơn vị cung ứng dịch vụ thực hiện chuyển đổi phương thức chi trả truyền thống sang phương thức chi trả điện tử.

6. Tổ chức dịch vụ chi trả

a) Đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc hợp đồng; thực hiện thanh quyết toán và quản lý lưu giữ chứng từ kế toán theo đúng quy định; cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ chi trả chế độ trợ giúp xã hội khi có yêu cầu kiểm tra; thực hiện thu hồi (bao gồm cả tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định) số tiền chi trả sai đối tượng khi phát hiện chi sai hoặc đối tượng đã chết nhưng vẫn chi theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức tuyên truyền về chi trả chính sách trợ giúp xã hội; giúp người dân hiểu rõ lợi ích lâu dài của việc chi trả bằng phương thức điện tử và tạo điều kiện thuận lợi để đối tượng nhận chính sách qua tài khoản.

**Điều 5.** **Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .... tháng ..... năm 2024.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai; Giám đốc Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ):** Không

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định Quy định phương thức và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*Đính kèm:*

*1) Văn bản số 5579/UBND-KGVX ngày 17/5/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương đề nghị xây dựng Quyết định quy định phương thức và mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*2) Báo cáo về việc đánh giá kết quả thực hiện chi trả tiền trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng cho các đối tượng bảo trợ xã hội từ tháng 6/2014 đến năm 2023 thông qua hệ thống dịch vụ Bưu điện và đề xuất phương án thực hiện tính phí dịch vụ chi trả theo Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*

*3) Bảng tổng hợp góp ý các Sở ngành, đơn vị.*

*4) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.*

*5) Báo cáo tiếp thu, giải trình thẩm định của Sở Tư pháp.*

*6) Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- GĐ, các PGĐ Sở;- Các Sở: Tư pháp, Tài chính;- Lưu: VT, BTXH, NCC.  | **GIÁM ĐỐC****Nguyễn Thị Thu Hiền**  |

1. Văn bản số 6540/UBND-KGVX ngày 30/6/2023 về việc triển khai thực hiện chuyển đổi số trong chi trả không dùng tiền mặt (KDTM) đối với đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 10329/UBND-KGVX ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc khẩn trương triển khai thực hiện việc chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 1910/UBND-KGVX ngày 27/02/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc khẩn trương đẩy mạnh thực hiện chi trả không dùng tiền mặt đối với đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2024; [↑](#footnote-ref-1)